

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 02/2023/KDTM-ST
Ngày 18-7-2023

“ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa
Ngân hàng với Công ty Gõ Đức Hùng QT”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Bảo.

2. Ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank); địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bích T – Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 05/2023/GUQ-CNQT ngày 03/01/2023 của Giám đốc Chi nhánh Quảng Trị); địa chỉ: 43 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV X Quảng Trị; Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là Công ty). Người đại diện theo pháp luật của Công ty bà Hoàng Thị Hải Y – Giám đốc Công ty, bà Y có ý kiến đề nghị xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Kim H, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1981; Điều cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Ông Trần Kim H vắng mặt lần thứ hai, bà Hoàng Thị Hải Y có ý kiến đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, văn bản trình bày ngày 01/6/2023, ngày 18/7/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 09/07/2021, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quảng Trị đã ký hợp đồng tín dụng số 201900892514 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/201900892514 ngày 10/12/2021; 02/201900892514 ngày 24/01/2022; 03/201900892514 ngày 20/07/2022; 04/201900892514 ngày 09/12/2022 với Công ty TNHH MTV X Quảng Trị (Công ty) để vay số tiền là 2.580.000.000 đồng; thời hạn nhận nợ 6 tháng; mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán tiền gổ. Tính đến ngày 18/07/2023, dư nợ gốc: 2.580.000.000 đồng; tiền lãi: 219.735.000 đồng (trong đó, lãi trong hạn: 146.490.000 đồng và lãi quá hạn: 73.245.000 đồng) và hai thẻ tín dụng doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Ngày 15/01/2023, do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

- Tiền gốc: 2.580.000.000 đồng;

- Tiền lãi: 219.735.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 146.490.000 đồng; lãi quá hạn: 73.245.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy nhận nợ số LD2220700307 ngày 26/07/2022, số tiền nhận nợ: 980.000.000 đồng, lãi suất: 8,4%/năm, ngày trả nợ gốc: 26/01/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng. Ngày 06/01/2023, Công ty trả bớt 100.000.000 đồng, dư nợ còn lại 880.000.000 đồng

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $880.000.000 \text{ đồng} \times 8,4\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 37.466.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $37.466.000 \text{ đồng} \times 50\% = 18.733.000 \text{ đồng}$

+ Giấy nhận nợ số LD2233400314 ngày 01/12/2022, số tiền nhận nợ: 700.000.000 đồng, lãi suất: 13,3%/năm, ngày trả nợ gốc: 01/06/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $700.000.000 \text{ đồng} \times 13,3\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 47.188.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $47.188.000 \text{ đồng} \times 50\% = 23.594.000 \text{ đồng}$

+ Giấy nhận nợ số LD2234700363 ngày 13/12/2022, số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng, lãi suất: 12,2%/năm, ngày trả nợ gốc: 13/06/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 12,2\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 61.836.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $61.836.000 \text{ đồng} \times 50\% = 30.918.000 \text{ đồng}$

2. Ngày 08/01/2020, Công ty TNHH MTV X Quảng Trị có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp với hạn mức là 50.000.000 đồng, lãi suất 1,832%, ngày 14/02/2020 nhận thẻ, thẻ chính số 461137-0247 và thẻ phụ số 111111-8334. Quá trình sử dụng thẻ Công ty đã rút ra và trả vào nhiều lần, đến lần cuối cùng Công ty còn dư nợ ngày 18/07/2023 là: 58.422.000 đồng, trong đó số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là 54.714.000 đồng, tiền lãi 3.708.000 đồng (đính kèm tóm tắt sao kê). Thẻ tín dụng này quá hạn vào ngày 06/05/2023 (theo HĐ phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 08/01/2020).

3. Ngày 04/07/2018, Công ty đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức 50.000.000 đồng, lãi suất 2,766%, ngày 11/07/2018 nhận thẻ, số thẻ 970403-2323. Quá trình sử dụng thẻ Công ty đã rút ra và trả vào nhiều lần, đến lần cuối cùng Công ty còn dư nợ là: 56.067.000 đồng. Tính đến ngày 18/07/2023 Công ty còn nợ số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là: 59.520.000 đồng, trong đó số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là 53.128.000 đồng, tiền lãi 6.392.000 đồng. Thẻ tín dụng này quá hạn vào ngày 23/04/2023 (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/07/2018).

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là vợ chồng ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y, cụ thể tài sản thế chấp như sau:

- Ông H và bà Y thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tk, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, đất đã được cấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m² do UBND huyện TP cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022.

- Ông H và bà Y thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tk, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, đất đã được cấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m² do UBND huyện TP cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022.

Tổng cộng số tiền Công ty còn nợ Sacombank theo giấy nhận nợ ngày 26/07/2022, ngày 01/12/2022, ngày 13/12/2022, thẻ tín dụng số 461137-0247 (bao gồm tài khoản số 461137-0247 và tài khoản số 111111-8334), thẻ tín dụng số 970403-2323 và tiền lãi là = (1) + (2) + (3): 880.000.000 đồng + 700.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng + 58.422.000 đồng + 59.520.000 đồng + 219.735.000 đồng = 2.917.677.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.687.842.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2023 là: 229.835.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng không nhận được sự hợp tác cũng như phản hồi của Công ty. Do Công ty chậm thanh toán các khoản nợ vay đến hạn. Hiện tại, ông H và bà Y đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả số nợ là: 2.917.677.000 đồng. Tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quảng Trị.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã khởi kiện tại Tòa án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tk, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m² do UBND huyện TP cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022 đã được Văn phòng công

chứng Trường Sinh chứng thực ngày 25/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện TP ngày 25/01/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tk, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m² do UBND huyện TP cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022 đã được Văn phòng công chứng Trường Sinh chứng thực ngày 25/01/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện TP ngày 25/01/2022.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2023, bà Hoàng Thị Hải Y (bà Y đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Trị) với tư cách là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời bà Y vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Sau khi xem văn bản trình bày ý kiến của Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Quảng Trị, bà Y có ý kiến như sau: Hiện tại (tính đến ngày 01/6/2023 là ngày Ngân hàng đưa ra văn bản trình bày ý kiến), Ngân hàng yêu cầu Công ty trả số tiền 2.856.045.000 đồng, bà Y đồng ý với số tiền này. Những khoản tiền mà Công ty đã vay của Ngân hàng và các thẻ tín dụng cấp cho Công ty TNHH MTV X Quảng Trị đều phục vụ cho Công ty của vợ chồng bà Y, ông H. Hiện tại, Công ty bà Y không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng. Do đó, bà Y đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản của cá nhân vợ chồng bà Y đã thế chấp tại Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Thửa đất có diện tích 203m² thuộc tờ bản đồ số 01, thửa số 135, tại Tk, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trên thửa đất này vợ chồng bà Y có làm một ngôi nhà kiên cố đổ bằng. Thửa đất thứ hai có diện tích 165m² thuộc tờ bản đồ số 01, thửa số 136, tại Tk, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trên thửa đất này vợ chồng bà Y có làm một nhà để xe, dạng mái che, khung sắt, mái lợp tôn. Các tài sản đã thế chấp này là của cá nhân vợ chồng bà Y và ông H. Hiện tại, bà Y đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị nên bà Y đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà với cả hai tư cách tố tụng, tư cách thứ nhất là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty, tư cách thứ hai là cá nhân của bà Y – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, thời gian trước đây Công ty TNHH MTV X Quảng Trị do ông Trần Kim H chồng của bà Y làm Giám đốc, sau đó bà Y làm Giám đốc Công ty này, còn ông H là chủ sở hữu công ty.

Về phía ông Trần Kim H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án cho ông Trần Kim H đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đăng thông báo tìm kiếm ông Trần Kim H trên các phương tiện thông tin đại chúng để ông H biết về tại Tòa án huyện Triệu Phong để giải quyết vụ án này nhưng ông H vẫn không có ý kiến, không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, 317, 318, 319, khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền : 2.917.677.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.687.842.000 đồng, tiền lãi: 229.835.000 đồng. Buộc Công ty tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (19/7/2023) cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quảng Trị.

Trong trường hợp Công ty không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m² do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H; trên thửa đất này ông H và bà Y có làm một mái che khung sắt mái lợp tôn. Và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m² do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H, trên thửa đất này ông H và bà Y có xây một ngôi nhà đổ bằng kiên cố. Hai thửa đất này liền kề với nhau.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH MTV X Quảng Trị và yêu cầu Công ty trả số tiền đã vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, trường hợp Công ty không trả được nợ thì yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại huyện Triệu Phong nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án dân sự. Tuy nhiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện Ngân hàng và bị đơn cho thấy việc Công ty vay vốn của Ngân hàng để hoạt động kinh doanh vì mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho Công ty và cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y nhưng bà Hoàng Thị Hải Y là Giám đốc Công ty cũng như cá nhân bà Y và ông H đều vắng mặt ở nơi cư trú thôn Đ, xã A, huyện CL, tỉnh Quảng Trị và vắng mặt tại trụ sở Công ty ở Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Qua xác minh tại Công an thị trấn AT, huyện TP thì ông H và bà không có mặt tại Công ty, không rõ đi đâu nên Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại Tòa án huyện Triệu Phong, trụ sở Công ty, UBND thị trấn AT và tại thôn Đ, xã A, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, trụ sở UBND xã A vào ngày 02/3/2023. Ngày 10/4/2023, Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 28/4/2023 và tiến hành niêm yết thông báo này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 28/4/2023, Tòa án tiến hành phiên họp nhưng vắng mặt cả đại diện Công ty và cá nhân ông H và bà Y nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp. Ngày 22/5/2023, ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 09/6/2023 và tiến hành niêm yết thông báo này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 09/6/2023, Tòa án tiến hành phiên họp nhưng vắng mặt cả đại diện Công ty và cá nhân ông H và bà Y nên Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và ra Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Đồng thời với việc niêm yết các văn bản tố tụng như nêu ở trên, theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho ông H và bà Y được biết. Ngày 13/6/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa ngày 30/6/2023, tại phiên tòa đại diện Công ty và cá nhân bà Y, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 18/7/2023 và tiến hành niêm yết các quyết định này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty vắng mặt nhưng có ý kiến của bà Y vừa là Giám đốc Công ty, vừa là cá nhân bà Y xin giải quyết vắng mặt còn cá nhân ông H vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Ngày 09/07/2021, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 201900892514 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/201900892514 ngày 10/12/2021; 02/201900892514 ngày 24/01/2022; 03/201900892514 ngày 20/07/2022; 04/201900892514 ngày 09/12/2022 với Công ty để vay số tiền là 2.580.000.000 đồng; thời hạn nhận nợ 6 tháng; mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán tiền gỗ. Tính đến ngày 18/7/2023, dư nợ gốc: 2.580.000.000 đồng; tiền lãi: 219.735.000 đồng (trong đó, lãi trong hạn: 146.490.000 đồng và lãi quá hạn: 73.245.000 đồng). Ngày 15/01/2023, do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu 2.580.000.000 đồng sang nợ quá

hạn. Tiền lãi: 219.735.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 146.490.000 đồng; lãi quá hạn: 73.245.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy nhận nợ số LD2220700307 ngày 26/07/2022, số tiền nhận nợ: 980.000.000 đồng, lãi suất: 8,4%/năm, ngày trả nợ gốc: 26/01/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng. Ngày 06/01/2023, Công ty trả bớt 100.000.000 đồng, dư nợ còn lại 880.000.000 đồng

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $880.000.000 \text{ đồng} \times 8,4\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 37.466.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $37.466.000 \text{ đồng} \times 50\% = 18.733.000 \text{ đồng}$

+ Giấy nhận nợ số LD2233400314 ngày 01/12/2022, số tiền nhận nợ: 700.000.000 đồng, lãi suất: 13,3%/năm, ngày trả nợ gốc: 01/06/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $700.000.000 \text{ đồng} \times 13,3\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 47.188.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $47.188.000 \text{ đồng} \times 50\% = 23.594.000 \text{ đồng}$

+ Giấy nhận nợ số LD2234700363 ngày 13/12/2022, số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng, lãi suất: 12,2%/năm, ngày trả nợ gốc: 13/06/2023, ngày trả lãi: 15 hàng tháng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 12,2\% / 365 \times 185 \text{ ngày} = 61.836.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/07/2023 là 185 ngày = $61.836.000 \text{ đồng} \times 50\% = 30.918.000 \text{ đồng}$

Ngày 08/01/2020, Công ty TNHH MTV X Quảng Trị có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp với hạn mức là 50.000.000 đồng, ngày 14/02/2020 nhận thẻ, thẻ chính số 461137-0247 và thẻ phụ số 111111-8334. Quá trình sử dụng thẻ Công ty đã rút ra và trả vào nhiều lần, đến lần cuối cùng Công ty còn dư nợ ngày 18/07/2023 là: 58.422.000 đồng, trong đó số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là 54.714.000 đồng, tiền lãi 3.708.000 đồng (đính kèm tóm tắt sao kê). Thẻ tín dụng này quá hạn vào ngày 06/05/2023 (theo HĐ phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 08/01/2020). Ngày 04/07/2018, Công ty có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức 50.000.000 đồng, ngày 11/07/2018 nhận thẻ, số thẻ 970403-2323. Quá trình sử dụng thẻ Công ty đã rút ra và trả vào nhiều lần, đến lần cuối cùng Công ty còn dư nợ là: 56.067.000 đồng. Tính đến ngày 18/07/2023 Công ty còn nợ số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là: 59.520.000 đồng, trong đó số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ là 53.128.000 đồng, tiền lãi 6.392.000 đồng. Thẻ tín dụng này quá hạn vào ngày 23/04/2023 (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/07/2018).

Tổng cộng số tiền Công ty còn nợ Sacombank theo giấy nhận nợ ngày 26/07/2022, ngày 01/12/2022, ngày 13/12/2022, thẻ tín dụng số 461137-0247 (bao gồm tài khoản số 461137-0247 và tài khoản số 111111-8334), thẻ tín dụng số 970403-2323 và tiền lãi là: 880.000.000 đồng + 700.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng + 58.422.000 (trong đó: 54.714.000 đồng tiền gốc, 3.708.000 đồng tiền lãi) +

59.520.000 đồng (trong đó: 53.128.000 đồng tiền gốc, 6.392.000 đồng tiền lãi)+ 219.735.000 đồng (tiền lãi) = 2.917.677.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.687.842.000 đồng, tiền lãi: 229.835.000 đồng. Bà Hoàng Thị Hải Y là Giám đốc Công ty thừa nhận khoản nợ này và có ý kiến bằng văn bản: hiện tại Công ty không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng nên đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của cá nhân bà Y và ông H để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán khoản tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 18/7/2023 là 2.917.677.000 đồng, (trong đó: tiền gốc là 2.687.842.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2023 là 229.835.000 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản tiền vay nói trên, giữa Ngân hàng – Chi nhánh Quảng Trị với ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022. Tài sản thế chấp gồm: 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m² do UBND huyện TP cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H; trên thửa đất này ông H và bà Y có làm một mái che khung sắt, mái lợp tôn. 2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m² do UBND huyện TP cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H. Các tài sản này được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện Triệu Phong ngày 25/01/2022. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Trường Sinh chứng thực ngày 25/01/2022. Hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022 được công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/01/2022 nên việc thế chấp tài sản đảm bảo đúng quy định tại Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản này có hiệu lực pháp luật. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2023, bà Hoàng Thị Hải Y là vợ ông Trần Kim H đồng ý để cho Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của cá nhân bà Y và ông H đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vì Công ty không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vắng mặt ông Trần Kim H là chồng của bà Y, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng, đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của mình cho Ngân hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp. Tòa án đã áp dụng đầy đủ các thủ tục được Bộ luật tố tụng dân sự quy định như niêm yết công khai văn bản tố tụng, thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án phải giải quyết vụ án vắng mặt ông H. Mặt khác, bà Y là vợ ông H sau khi xem văn bản trình bày ý kiến của Ngân hàng thì đồng ý toàn bộ số nợ. Bà Y cho rằng toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng là phục vụ cho Công ty. Hiện tại, Công ty không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng nên bà Y đồng ý đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản của vợ chồng bà Y đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ là đúng với cam kết của bà Y và ông H khi thế chấp tài sản của mình cho Ngân hàng. Do đó, mặc dù vắng mặt ông H tại phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của bà Y là thể hiện trách nhiệm của bên vay đối với

bên cho vay, bên thế chấp với bên nhận thế chấp tài sản và phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Bộ luật dân sự 2015 và lẽ công bằng được quy định tại khoản 3 Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, trong trường hợp Công ty không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mãi tài sản thế chấp của cá nhân vợ chồng bà Y và ông H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 100/HĐTC ngày 25/01/2022 để thu hồi nợ. Theo hợp đồng thế chấp và ý kiến của bà Y cũng như kết quả Tòa án huyện Triệu Phong đã thẩm định tại chỗ ngày 25/5/2023 thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m² do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H; trên thửa đất này ông H và bà Y có làm một mái che khung sắt mái lợp tôn. Và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m² do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H, trên thửa đất này ông H và bà Y có xây một ngôi nhà đổ bằng kiên cố (hai thửa đất này liền kề với nhau).

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Công ty nên người yêu cầu là Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 2.700.000 đồng (Ngân hàng đã nộp) theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai thửa đất và các loại tài sản có trên đất đã được bà Y và ông H thế chấp cho Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đã chi phí cho việc thẩm định vào ngày 25/5/2023 với số tiền là 3.602.000 đồng: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là Công ty phải chịu khoản chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã nộp số tiền này. Do đó, cần buộc Công ty phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.602.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2.917.677.000 đồng, được Tòa án chấp nhận nên Công ty phải chịu 90.353.540 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, làm tròn số: 90.354.000 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần vượt 2.000.000.000 đồng).

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, khoản 1 Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 299, Điều 463; Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, buộC Công ty TNHH MTV X Quảng Trị phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín số tiền là: **2.917.677.000** đồng; trong đó: tiền gốc: **2.687.842.000** đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2023 là: **229.835.000** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết giữa Công ty TNHH MTV X Quảng Trị với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Quảng Trị .

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp Công ty TNHH MTV X Quảng Trị không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 683900 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01, diện tích 165m2 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 23/11/2015 cho ông Trần Kim H; trên thửa đất này ông H và bà Y có làm một mái che khung sắt mái lợp tôn. Và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tk, thị trấn AT, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 565672 tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 203m2 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 08/02/2014 cho ông Trần Kim H, trên thửa đất này ông H và bà Y có xây một ngôi nhà đổ bằng kiên cố (hai thửa đất này liền kề với nhau).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: BuộC Công ty TNHH MTV X Quảng Trị phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.602.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền này cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội: Buộc Công ty TNHH MTV X Quảng Trị phải chịu 90.354.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.259.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000366 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Quảng Trị nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa